

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2024

V/v: “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.**

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 484/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th - sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Cao Hòa B - sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/12/2023 của nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:** Tôi và ông Cao Hòa B không có tìm hiểu nhau trước nhưng cũng có quen biết nhau nên đến năm 2000 chúng tôi tự nguyện sống chung như vợ chồng, không tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 7 - 8 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện với tôi nên vợ chồng thường xuyên cãi vả và chúng tôi đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Cao Hòa B.

Về con chung: Tôi và ông B không có con chung nhưng tôi có 01 đứa con riêng, khi về sống với ông B thì lúc làm giấy khai sinh mới lấy họ của ông B nên tên Cao Thành Qu - sinh ngày 01/01/1993. Do đó, tôi xác định giữa tôi và ông B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Cao Hòa B.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

**Tại bản tự khai đề ngày 19/12/2023 bị đơn ông Cao Hòa B trình bày:** Tôi và bà Trần Thị Th không có tìm hiểu nhau trước nhưng có quen biết nhau nên đến năm 2000 chúng tôi tự nguyện sống chung như vợ chồng, không tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 7 - 8 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện với bà Th nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và chúng tôi đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi cũng thống nhất ly hôn với bà Th.

Về con chung: Tôi và bà Th không có con chung nhưng bà Th có 01 đứa con riêng trước, khi về sống với tôi thì lúc làm giấy khai sinh mới lấy họ của tôi nên tên Cao Thành Qu - sinh ngày 01/01/1993. Do đó, tôi xác định giữa tôi và bà Th không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với theo yêu cầu của bà Trần Thị Th.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Tranh chấp giữa bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Th và bị đơn ông Cao Hòa B không có mặt tại phiên tòa nhưng bà Th và ông B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét

xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Th xác lập quan hệ hôn nhân với ông Cao Hòa B vào năm 2000, không có tổ chức đám cưới, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B là vợ chồng.

**[3] Về con chung:** Bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B xác định ông bà không có con chung nhưng bà Th có 01 đứa con riêng, khi về sống với ông B lúc làm giấy khai sinh mới lấy họ của ông B nên tên Cao Thành Quan - sinh ngày 01/01/1993. Do đó, vợ chồng ông bà xác định giữa ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B xác định ông bà không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là:** 300.000 đồng bà Trần Thị Th phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà Th được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004619 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Trần Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Th và ông Cao Hòa B là vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Th phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà Th được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004619 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Trần Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**